

THÔNG TƯ

Quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tổ chức, cá nhân tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

2. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của người cư trú và người không cư trú, tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của người không cư trú và người cư trú là cá nhân người nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được mở tài khoản thanh toán bao gồm:

- a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước);
 - b) Ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã (sau đây gọi tắt là ngân hàng);
 - c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Tổ chức, cá nhân mở tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (sau đây gọi tắt là khách hàng).
 3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 3. Các hình thức của tài khoản thanh toán

1. Các hình thức của tài khoản thanh toán bao gồm: tài khoản thanh toán của cá nhân, tài khoản thanh toán của tổ chức và tài khoản thanh toán chung.
2. Tài khoản thanh toán của cá nhân là tài khoản thanh toán do khách hàng là cá nhân mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.
3. Tài khoản thanh toán của tổ chức là tài khoản thanh toán do khách hàng là tổ chức mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Chủ tài khoản thanh toán của tổ chức là tổ chức mở tài khoản thanh toán.
4. Tài khoản thanh toán chung là tài khoản thanh toán có ít nhất hai chủ thể trở lên cùng đứng tên mở tài khoản. Chủ tài khoản thanh toán chung là tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Trả lãi đối với số dư trên tài khoản thanh toán

1. Số dư trên tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tính lãi theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ấn định và niêm yết công khai phù hợp với quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
2. Việc trả lãi đối với số dư trên tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

Điều 5. Ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán

1. Chủ tài khoản thanh toán được ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, phù hợp với quy định pháp luật về ủy quyền và quy định sau:
 - a) Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân: chủ tài khoản thanh toán gửi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản văn bản ủy quyền kèm tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết đối với cá nhân, pháp nhân là người được ủy quyền. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết đối với người được ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Thông tư này;
 - b) Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức: chủ tài khoản thanh toán gửi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản văn bản ủy quyền của người

đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức (sau đây gọi chung là người đại diện hợp pháp), kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) kèm tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết đối với cá nhân là người được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải áp dụng biện pháp xác minh thông tin nhận biết đối với người được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

Điều 6. Phong tỏa tài khoản thanh toán

1. Tài khoản thanh toán bị phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số dư trên tài khoản thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố; phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP và quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố; phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Sau khi phong tỏa tài khoản thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thông báo cho chủ tài khoản thanh toán hoặc người đại diện theo pháp luật, người giám hộ của cá nhân mở tài khoản thanh toán quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Thông tư này (sau đây gọi chung là người đại diện) biết về lý do và phạm vi phong tỏa tài khoản thanh toán (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không thông báo cho khách hàng về việc phong tỏa tài khoản thanh toán). Hình thức thông báo theo thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán quy định tại Điều 13 Thông tư này.

4. Số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản thanh toán bị phong tỏa một phần số tiền trên tài khoản thanh toán thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

Chương II

MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 7. Đối tượng mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước

1. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản thanh toán cho các tổ chức sau:

- a) Tổ chức tín dụng (trụ sở chính);
- b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- c) Kho bạc Nhà nước Trung ương;